

Phụ lục 3.
CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025

TT	UBND xã, phường	Kết quả tiêu chí					SIPS
		TC	HC	PV	KQ	TT	
1	UBND phường Cam Linh	95,26%	91,29%	95,76%	94,62%	96,93%	94,77%
2	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	92,83%	92,36%	95,33%	91,83%	94,93%	93,46%
3	UBND phường Ninh Hòa	92,31%	92,64%	92,67%	93,40%	95,86%	93,38%
4	UBND xã Phước Dinh	91,74%	91,64%	94,19%	94,71%	93,29%	93,12%
5	UBND xã Diên Lâm	94,06%	93,07%	94,19%	89,64%	91,93%	92,58%
6	UBND phường Nam Nha Trang	92,89%	92,93%	96,38%	88,40%	91,64%	92,45%
7	UBND xã Nam Ninh Hòa	92,09%	93,29%	92,57%	90,90%	93,14%	92,40%
8	UBND xã Tu Bông	91,60%	91,14%	92,10%	93,07%	93,79%	92,34%
9	UBND xã Vạn Thắng	90,69%	92,86%	91,95%	93,07%	91,86%	92,08%
10	UBND phường Nha Trang	92,54%	92,07%	92,57%	91,33%	91,36%	91,98%
11	UBND Phường Hòa Thắng	91,26%	90,64%	94,05%	93,43%	90,00%	91,88%
12	UBND phường Bắc Nha Trang	91,86%	90,86%	95,71%	88,17%	92,50%	91,82%
13	UBND xã Bắc Ái Đông	91,77%	92,00%	91,67%	92,57%	90,50%	91,70%
14	UBND xã Ninh Sơn	92,64%	90,00%	95,02%	85,56%	95,22%	91,69%
15	UBND phường Bắc Cam Ranh	90,49%	92,64%	92,95%	90,02%	91,07%	91,44%
16	UBND xã Suối Dầu	93,97%	92,14%	90,48%	90,02%	89,93%	91,31%
17	UBND phường Tây Nha Trang	90,54%	90,93%	94,10%	89,83%	90,64%	91,21%
18	UBND xã Đông Khánh Sơn	92,03%	90,57%	94,62%	90,98%	87,29%	91,10%
19	UBND xã Đại Lãnh	89,63%	91,00%	92,67%	91,69%	89,43%	90,88%
20	UBND xã Cam Hiệp	92,23%	89,86%	93,71%	87,31%	91,00%	90,82%
21	UBND xã Tây Ninh Hòa	90,34%	91,71%	92,00%	90,38%	89,50%	90,79%
22	UBND xã Thuận Nam	90,97%	90,43%	92,14%	91,02%	89,14%	90,74%
23	UBND xã Vạn Hưng	88,23%	91,79%	90,62%	91,86%	91,07%	90,71%
24	UBND phường Ninh Chữ	92,54%	91,50%	88,52%	92,14%	88,79%	90,70%
25	UBND xã Hòa Trí	89,91%	90,79%	91,43%	89,86%	91,43%	90,68%
26	UBND xã Tân Định	88,86%	90,57%	92,67%	91,12%	90,07%	90,66%
27	UBND xã Phước Hà	90,26%	91,71%	93,43%	91,10%	86,79%	90,66%
28	UBND phường Cam Ranh	89,37%	90,07%	91,67%	89,17%	92,50%	90,56%
29	UBND xã Vạn Ninh	90,64%	92,50%	88,40%	89,55%	91,29%	90,48%
30	UBND xã Khánh Sơn	88,40%	88,71%	93,33%	91,00%	90,57%	90,40%
31	UBND xã Cam An	91,13%	88,71%	93,12%	91,26%	87,71%	90,39%
32	UBND phường Ba Ngòi	89,20%	87,57%	91,71%	93,48%	89,14%	90,22%
33	UBND xã Diên Thọ	90,31%	88,93%	91,24%	91,74%	88,00%	90,04%
34	UBND xã Cam Lâm	90,60%	89,79%	91,29%	89,48%	88,71%	89,97%
35	UBND xã Tây Khánh Sơn	87,54%	87,43%	94,38%	89,64%	90,57%	89,91%
36	UBND xã Cà Ná	90,51%	88,14%	90,57%	90,60%	88,93%	89,75%
37	UBND xã Diên Lạc	88,14%	90,50%	91,33%	92,10%	86,64%	89,74%
38	UBND xã Diên Khánh	89,11%	89,71%	89,24%	90,38%	88,14%	89,32%
39	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	86,23%	87,42%	95,62%	91,18%	85,87%	89,26%
40	UBND xã Phước Hữu	90,63%	89,43%	90,76%	87,05%	88,21%	89,22%

TT	UBND xã, phường	Kết quả tiêu chí					SIPS
		TC	HC	PV	KQ	TT	
41	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	89,84%	88,85%	90,58%	89,05%	86,93%	89,05%
42	UBND xã Nam Cam Ranh	87,54%	87,57%	90,19%	92,21%	86,79%	88,86%
43	UBND xã Khánh Vĩnh	88,54%	88,64%	90,10%	90,57%	86,43%	88,86%
44	UBND xã Mỹ Sơn	91,14%	91,36%	82,24%	87,10%	90,57%	88,48%
45	UBND phường Đông Ninh Hòa	85,14%	88,50%	91,24%	87,26%	87,71%	87,97%
46	UBND xã Vĩnh Hải	86,57%	87,57%	89,95%	87,98%	84,07%	87,23%
47	UBND xã Suối Hiệp	85,03%	85,64%	88,81%	89,43%	85,79%	86,94%
48	UBND xã Diên Điền	85,91%	85,86%	88,81%	88,21%	85,21%	86,80%
49	UBND xã Phước Hậu	86,57%	84,64%	88,48%	84,43%	89,57%	86,74%
50	UBND xã Ninh Phước	87,68%	88,59%	88,81%	83,96%	84,54%	86,72%
51	UBND phường Đô Vinh	85,37%	84,86%	86,95%	90,17%	85,00%	86,47%
52	UBND phường Đông Hải	83,80%	84,57%	87,48%	91,67%	83,50%	86,20%
53	UBND xã Bắc Ninh Hòa	88,52%	85,91%	87,65%	84,03%	84,10%	86,04%
54	UBND xã Anh Dũng	85,43%	85,36%	88,24%	86,12%	84,43%	85,91%
55	UBND xã Công Hải	83,71%	80,43%	84,86%	92,14%	86,64%	85,56%
56	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	87,54%	85,93%	89,52%	81,76%	80,36%	85,02%
57	UBND xã Thuận Bắc	81,37%	81,50%	89,00%	87,00%	83,50%	84,47%
58	UBND xã Lâm Sơn	81,33%	81,35%	88,81%	87,07%	83,38%	84,39%
59	UBND xã Ninh Hải	85,77%	82,14%	86,52%	83,79%	82,07%	84,06%
60	UBND xã Bác Ái	84,11%	83,43%	87,33%	80,02%	84,79%	83,94%
61	UBND xã Xuân Hải	81,35%	80,00%	84,36%	89,27%	80,82%	83,16%
62	UBND phường Phan Rang	80,03%	81,00%	89,19%	83,88%	80,14%	82,85%
63	UBND xã Bác Ái Tây	84,31%	82,79%	83,05%	81,31%	82,43%	82,78%
64	UBND phường Bảo An	81,71%	81,03%	87,33%	83,25%	80,00%	82,67%
	Chỉ số hài lòng chung	88,81%	88,58%	90,87%	89,32%	88,35%	89,18%

Ghi chú:

TC	Tiếp cận dịch vụ
HC	Thủ tục hành chính
PV	Sự phục vụ của công chức, viên chức
KQ	Kết quả giải quyết công việc
TT	Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi
SIPS	Chỉ số hài lòng